

Số: 04/2021/DS-ST

Ngày 25/02/2021.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam.

2. Ông Hoàng Xuân Ty.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Vũ Xuân T**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1970

và bà **Nguyễn Ngọc A** (tên gọi khác là C), sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Số nhà 57/10 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Ông L, bà A vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà X: Ông **Vũ Xuân T**, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Vũ Xuân T, bà Đoàn Thị X trình bày:

Trước thời gian ngày 25/01/2017 vợ chồng ông bà có bán chè tươi cho vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A (tên gọi khác là C), đến ngày 25/01/2011 hai bên tính toán, đối chiếu sổ sách thì vợ chồng ông L, bà A nợ lại số tiền 1.159.488.000đ (một tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng) và tự tay viết giấy nhận nợ. Vợ chồng ông đã đòi nợ nhiều lần thì vợ chồng ông L, bà A đã trả nợ được bằng bộ bàn ghế ăn cơm trị giá 109.488.000đ (một trăm không chín triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng). Đến ngày 01/02/2018 vợ chồng ông L, bà A viết giấy nhận nợ lại số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng). Từ đó đến nay, vợ chồng ông bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông L, bà A không trả nợ. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy xác nhận nợ ngày 25/01/2017 và giấy nhận nợ ngày 01/02/2018 bản chính lưu trong hồ sơ vụ án.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Kiểm sát viên không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ mua bán chè là 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng). Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Vợ chồng ông Vũ Xuân T, bà Đoàn Thị X và vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A có giao dịch mua bán chè tươi từ trước ngày 25/01/2017 đến ngày 01/02/2018 còn nợ tổng số tiền 1.050.000.000đ.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A, cùng cư trú tại: Số nhà 57/10 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Vũ Xuân T, bà Đoàn Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng

mặt và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn, bị đơn xác định giao dịch dân sự với nhau từ trước năm 2017 đến ngày 01/02/2018, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Xuân T yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A phải thanh toán số tiền nợ mua bán chè tươi là 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trước ngày 25/01/2017 vợ chồng ông Vũ Xuân T, bà Đoàn Thị Xuân có bán chè tươi cho vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A, đến ngày 25/01/2011 hai bên tính toán, đối chiếu sổ sách thì vợ chồng ông L, bà A nợ lại số tiền 1.159.488.000đ (một tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng), vợ chồng ông L, bà A đã trả nợ bằng mộ bộ bàn ghế ăn cơm trị giá 109.488.000đ (một trăm không chín triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng). Đến ngày 01/02/2018 vợ chồng ông L, bà A viết giấy nhận nợ lại số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ chứng minh gồm: Chứng cứ bản chính ghi ngày 25/01/2017 thể hiện:... *“Chúng tôi gồm: 1. ông Vũ Xuân T, 2. bà Đoàn Thị X, 3. ông Nguyễn Thành L, 4. bà Nguyễn Ngọc A (còn gọi là C). Chúng tôi tiến hành cộng sổ nợ về việc mua bán chè tươi tại nhà ông L, bà C số tiền tổng cộng là 1.159.488.000đ...hai bên đã nhất trí số tiền nợ trên. Ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A ký ghi họ, tên”*. Chứng cứ bản chính ghi ngày 01/02/2018 bản chính thể hiện: ... *“Tôi Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1974... chồng tôi Nguyễn Thành L, cùng cư trú 57/10 đường hẻm T, phường L có nợ ông Vũ Xuân T, sinh năm 1965, bà Đoàn Thị X, sinh năm 1971 cùng cư trú Thôn 6, L tổng số tiền 1.050.000.000đ (Bằng chữ: một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng). Tôi cam đoan số tiền tôi nợ do mua án chè tươi. Người nhận nợ Bảo Lộc ngày 01/02/2018 ký ghi họ tên Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thành L”*.

Như vậy, vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A có mua bán chè tươi và còn nợ vợ chồng ông Vũ Xuân T, bà Đoàn Thị X số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Xuân T về *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản”* đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận yêu cầu số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng), theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu từ trên 800.000.000đ đến 2.000.000.000đ là

36.000.000đ + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000đ là 43.500.000đ (bốn mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Xuân T. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A (tên gọi khác là C) có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Vũ Xuân T, bà Đoàn Thị X số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Ngọc A (còn gọi là C) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.500.000đ (bốn mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn ông Vũ Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Vũ Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.750.000đ (hai mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), theo biên lai số AA/2016/0018560 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

+ Các đương sự;
+ VKSND Tp. B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + Lưu hồ sơ.

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công

